

Số: 538/TMXM-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2021



THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể:

1. Thời gian: Từ 8h00' ngày 29/6/2021.

2. Địa điểm: Hội trường tầng 3 Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng - Ngõ 1, Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

3. Đối tượng dự họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng theo danh sách chốt tại ngày 07/6/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp ngày 09/6/2021.

Trường hợp quý cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác họp thay (theo mẫu Giấy ủy quyền có dấu treo của Công ty gửi kèm).

4. Chương trình Đại hội và tài liệu phục vụ Đại hội: Chương trình và các tài liệu phục vụ Đại hội đề nghị Quý cổ đông xem tại địa chỉ: <http://www.tmx.com.vn>

5. Xác nhận tham dự Đại hội:

Các đề xuất của Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền về nội dung Chương trình Đại hội xin vui lòng gửi văn bản về BTC Đại hội trước 16h00 ngày 25/6/2021

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội về BTC Đại hội:

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Địa chỉ: Số 348 đường Giải Phóng - Phường Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8643315; 0243.8643346 - Fax: 0243.8642586

Email: vanphong.thuongmaiximang@gmail.com

Liên hệ: Bà Hoàng Thị Hải Yến - TV Ban tổ chức - Thư ký Công ty.

Điện thoại: 0983485566

Lưu ý :

- Quý cổ đông khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (đã đăng ký với trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam), Giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền) có đầy đủ chữ ký hợp lệ theo mẫu giấy ủy quyền.

- Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó lường, công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế, thành phố Hà Nội. Nếu đến thời điểm tổ chức Đại hội, vì dịch bệnh không được phép tổ chức Đại hội, Công ty sẽ thông báo trên website của Công ty; mong Quý cổ đông thường xuyên cập nhật thông tin. Để đảm bảo thực hiện các quy định phòng chống dịch Covid-19, đề nghị Quý cổ đông khi tham dự Đại hội phải đeo khẩu trang, khử khuẩn và giữ khoảng cách, kiểm tra thân nhiệt, khai báo y tế...

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trung tâm LKCKVN;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



Doãn Nam Khánh



GIẤY XÁC NHẬN

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng

Họ và tên cổ đông:

Số CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng tổ chức vào 8h ngày 29/6/2021 tại Hội trường tầng 3 - Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng - Ngõ 1 Phan Đình Giót - Phường Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Quý Cổ đông vui lòng gửi giấy xác nhận tham dự Đại hội này về Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng, địa chỉ số 348 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trước 16h ngày 25/6/2021.



GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng

Họ và tên cổ đông: Sinh ngày:

Số CMND/Thẻ CC/ Hộ chiếu: .. Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu : cổ phần (Bằng chữ:))

Do không có điều kiện tham dự trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng , nay Tôi / Công ty tôi:

Đồng ý ủy quyền cho:

STT	Người được ủy quyền	Đồng ý	Không đồng ý
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
2	UV Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty		
3	Người khác		

(Quý cổ đông đồng ý hay không đồng ý ủy quyền cho ai thì đánh dấu vào cột tương ứng, trong trường hợp không có ý kiến gì coi như ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Ông : Doãn Nam Khánh

Địa chỉ: H8 khu Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số CMND: 013579981 cấp ngày 19/1/2013; Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Số cổ phần ủy quyền:

2. Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty:

Ông : Bùi Văn Luyện

Địa chỉ: Đô thị Văn Quán, Yên Phúc, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

Số CMND: 036062000044; Cấp ngày 09/05/2014; Nơi cấp: ĐKQL Cư trú và DLQG.

Số cổ phần ủy quyền:

3. Người khác:

Ông (bà): Sinh ngày:

Số CMND/Thẻ CC/ Hộ chiếu: .. Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ :

Thay mặt tôi/Công ty tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng và biểu quyết tất cả những vấn đề thuộc thẩm quyền tương ứng với số cổ phần do tôi sở hữu./.



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

I. Từ 8h00' - 8h30' :

1. Đón tiếp cổ đông và đại biểu.
2. Đăng ký và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

II. Từ 8h30' - 12h00' : Tiến hành Đại hội

1. Khai mạc, giới thiệu đại biểu.
2. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội và Đoàn Chủ tịch.
3. Giới thiệu Thư ký Đại hội.
4. Bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu.
5. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
6. Thông qua Chương trình Đại hội.
7. Thông qua Quy chế Đại hội.
8. Hướng dẫn lập thẻ biểu quyết
9. Các Tờ trình, Báo cáo trình bày tại Đại hội:
 - Báo cáo của Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Kế hoạch kinh doanh năm 2021.
 - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT.
 - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban KS
 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
 - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
 - Báo cáo thù lao, phụ cấp thực hiện năm 2020, dự kiến năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty; Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Giám đốc Công ty.
 - Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán xi măng với các đơn vị trong nước năm 2021.
 - Tờ trình thông qua việc ký hợp đồng mua bán xi măng xuất khẩu năm 2021
 - Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty,
 - Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
 - Tờ trình thông qua ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT.
 - Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10. Đại hội tiến hành thảo luận.
11. Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình nêu trên.
12. Phát biểu của lãnh đạo Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
13. Lãnh đạo Công ty tiếp thu ý kiến.
14. Công bố kết quả biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội.
15. Thông qua Biên bản Đại hội.
16. Bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

/QC-TMXM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng (sau đây gọi tắt là "Đại hội") nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định phù hợp với quy định của Pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 3: Chương trình nghị sự

1. Chương trình nghị sự của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thư mời họp.
2. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội và có hiệu lực ngay sau khi đã được Đại hội thông qua.

Điều 4: Nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự.
2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc chứng minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp.
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong hội trường (tắt máy hoặc chế độ im lặng).



5. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội.

6. Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

7. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Kế hoạch kinh doanh năm 2021.
2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị.
3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát.
4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
5. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.
6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức năm 2020, quỹ thưởng của người quản lý.
7. Thông qua Báo cáo thù lao, phụ cấp thực hiện năm 2020, kế hoạch năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty; Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Giám đốc Công ty.
8. Thông qua việc ký hợp đồng mua bán xi măng năm 2021 với các đơn vị trong nước.
9. Thông qua việc ký một số hợp đồng mua bán xi măng xuất khẩu năm 2021
10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty.
11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế Nội bộ về quản trị công ty.
12. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
13. Thông qua việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 6: Đoàn chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn chủ tịch, gồm có Chủ tịch (là Chủ tịch HĐQT), thành viên do Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Chủ tịch

là người chủ trì Đại hội (chủ tọa). Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đoàn chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Thư ký có nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.

- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép Biên bản đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 người do Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng cử ra và có trách nhiệm:

1. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9: Ban kiểm phiếu và bầu cử

Ban kiểm phiếu và bầu cử do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.

2. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

3. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết.

4. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông.

5. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, công bố kết quả biểu quyết.

6. Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Đoàn chủ tịch hoặc thư ký Đại hội.

Điều 10: Các quyền của Cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc uỷ quyền bằng Giấy uỷ quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện của các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc hộ chiếu), Giấy mời tham dự, Giấy uỷ quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ được nhận Phiếu biểu quyết và tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông vào đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

2.1. Tuân thủ nội quy Đại hội.

2.2. Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.

2.3. Thảo luận các nội dung báo cáo.

2.4. Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

2.5. Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG III: THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung trong chương trình

ngợi sự của Đại hội đã được thông qua, nội dung không vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn Doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết (*màu xanh*) và các Thẻ biểu quyết (*màu hồng*) trong đó ghi tên cổ đông/ đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết:

+ Đối với vấn đề như: thông qua chương trình nghị sự; thông qua việc đề cử các nhân sự phục vụ Đại hội như: Thông qua chương trình Đại hội; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Thư ký Đại hội; Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành hay không tán thành); những cổ đông không giơ Phiếu biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

- Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết:

+ Thẻ biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

* Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để *tán thành* hoặc *không tán thành* hoặc *không có ý kiến* một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu "X" vào ô tương ứng trong Thẻ biểu quyết theo trình tự: "Tán thành", "Không tán thành" và "Không có ý kiến".

Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu thu hồi Thẻ biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả (Thu thẻ theo trình tự: thẻ "Tán thành", sau đó đến thẻ "Không tán thành" cuối cùng thu thẻ "Không có ý kiến").

* Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

Điều 13: Biên bản Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

Phần I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

I. Đặc điểm tình hình:

- Năm 2020 Tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến khó lường trong bối cảnh thế giới vẫn chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19 và căng thẳng giữa Mỹ và một số quốc gia với Trung Quốc tiếp tục kéo dài tác động xấu tới kinh tế thế giới.

- Với quyết tâm vừa đẩy lùi dịch bệnh vừa phát triển kinh tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, nỗ lực tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

- Việc dịch Covid-19 bùng phát trở lại vào cuối tháng 7 tại Đà Nẵng và lây lan sang một số địa phương khác trên cả nước đã gây cản trở sự phục hồi của các hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế.

- Trước tình hình kinh tế thế giới khó khăn, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tăng trưởng âm, tuy nhiên tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong năm 2020 dự báo chỉ đạt mức tăng trưởng 2,91% (đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ qua).

- Nhu cầu tiêu thụ xi măng trong nước không tăng trưởng trong cả năm 2020, dự báo chỉ đạt 68 triệu tấn, bằng với năm 2019. Cụ thể như sau:

+ Hoạt động xây dựng nhà không ở (nhà máy, khu công nghiệp, khách sạn...), vốn là phân khúc đóng góp mức tăng trưởng cao cho nhu cầu xây dựng trong giai đoạn vừa qua bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những tác động của dịch Covid-19 do suy giảm về lượng khách du lịch và dòng vốn FDI vào Việt Nam. Bên cạnh đó, các phân khúc xây dựng quan trọng như bất động sản nhà ở hay cơ sở hạ tầng cũng chưa có thêm động lực hỗ trợ đáng kể nào trong khi nhu cầu xây mới tiếp tục có mức tăng trưởng thấp trong giai đoạn nửa cuối năm 2020.

+ Theo khảo sát của Hiệp hội vật liệu xây dựng Việt Nam trong những tháng đầu năm 2020, doanh thu của các nhà phân phối, đại lý bán vật liệu tại các thị trường xây dựng chính là Hà Nội và TP.HCM phần lớn đều có nhu cầu sụt giảm khoảng 15 - 20% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến các dự án, công trình bị chậm hoặc giãn tiến độ khiến cho thời gian hoàn thành cũng như chi phí xây dựng tăng cao.

- Trong khi nhu cầu tiêu thụ nội địa dự báo không có tăng trưởng trong cả năm 2020, đầu ra từ kênh xuất khẩu tiếp tục bị suy giảm do các thị trường nhập khẩu lớn

như Bangladesh, Philippines, Trung Quốc... đều giảm hoạt động đầu tư dẫn tới giảm nhu cầu xi măng.

- Đối với Công ty TMXM: địa bàn kinh doanh của VICEM Thương mại Xi măng năm 2020 tiếp tục bị thu hẹp do các nhà sản xuất mở thêm NPPC mới bán đan xen ở một số khu vực địa bàn và mở NPPC từ chính các NPP cấp 2 của Thương mại Xi măng. Một số đầu mối, cửa hàng VLXD đã chủ động tìm thêm nhiều nguồn xi măng trong và ngoài Vicem khác để đưa về tiêu thụ tại các địa bàn chính của Công ty TMXM...

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng chủ yếu kinh doanh xi măng bao nên việc chuyển dịch từ sử dụng xi măng bao để đổ bê tông sang sử dụng bê tông thương phẩm (xi măng rời) tại các địa bàn ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Thương mại xi măng năm 2020 và những năm tiếp theo.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Các chỉ tiêu chính:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Mục tiêu năm 2020 theo HĐQT	Kế hoạch năm 2020 điều chỉnh	Thực hiện năm 2020	TH năm 2019	% Thực hiện		
							So với HĐQT	So với KH điều chỉnh	So với năm 2019
I	Chỉ tiêu sản lượng								
1	Sản lượng mua	Tấn	1.032.000	570.000	567.835	822.890	55,02	99,6	69,0
2	Sản lượng bán	-	1.032.000	570.000	566.653	826.112	54,9	99,4	68,6
2.1	Bán nội địa	-	832.000	570.000	566.653	821.862	68,1	99,4	68,9
2.2	XK + Clinker	-	200.000			4.250			
II	Chỉ tiêu tài chính								
1	Tổng doanh thu	Tr đồng	1.106.960	611.721	607.739	849.229	54,9	99,35	71,56
2	LN trước thuế	-	10.530	10.935	10.999	12.605	104,45	100,59	87,26
3	Ebitda	-	11.121	11.429	11.470	13.183	103,14	100,4	87,0
4	Nộp ngân sách	-	7.500	6.700	7.345	6.485	97,93	109,6	113,26
5	Tỷ lệ cố tức dự kiến	% năm	8-10	8-10	8	10	100	100	80
III	Chỉ tiêu LĐTL								
1	Lao động bq	Người	101	102	102	122	101	100,0	83,6
2	Tổng quỹ lương	nghìn đồng	14.000.000	14.000.000	14.000.000	15.600.000	100	100,0	89,7
3	Tiền lương bq NLD	nghìn đồng/người/tháng	10.803	10.694	10.694	10.017	99,00	100,0	106,8

2. Đánh giá thực hiện các lĩnh vực:

2.1. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

2.1.1. Sản lượng mua, bán theo thương hiệu xi măng năm 2020:

Đơn vị tính: tấn

Nội dung	Kế hoạch năm 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2020		Cùng kỳ năm 2019		% so với KH		% so với cùng kỳ	
		Hàng mua	Hàng bán	Hàng mua	Hàng bán	Hàng mua	Hàng bán	Hàng mua	Hàng bán
Tổng sản lượng	570.000	567.835	566.653	822.890	826.112	99,6	99,4	69,0	68,6
Xuất khẩu				4.250	4.250				
XM nội địa	570.000	567.835	566.653	818.640	821.862	99,6	99,4	69,4	68,9
Hoàng Thạch	490.000	485.633	484.460	654.556	657.812	99,1	98,9	74,2	73,6
Bút Sơn	80.000	82.116	82.107	158.568	158.531	102,6	102,6	51,8	51,8
Bim Sơn				665	665				
XM khác		86	86	4.851	4.854			1,8	1,8

2.1.2. Sản lượng tiêu thụ năm 2020 theo địa bàn khu vực:

Đơn vị tính: tấn

Nội dung	Kế hoạch năm 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	So sánh cùng kỳ 2019		% Hoàn thành KH	
				Tăng/ giảm	%	Tăng/ giảm	%
Tổng sản lượng	570.000	566.653	826.112	-259.459	68,6	-3.347	99,4
Xuất khẩu			4.250	-4.250			
XM nội địa	570.000	566.653	821.862	-255.209	68,9	-3.347	99,4
Tại Hà Nội	498.819	493.584	740.556	-246.972	66,7	-5.235	99,0
KV Bắc Sông Hồng	145.000	140.027	255.122	-115.095	54,9	-4.973	96,6
KV Nam Sông Hồng	278.219	280.206	402.831	-122.625	69,6	1.987	100,7
KV Hà Tây cũ	75.600	73.265	82.603	-9.338	88,7	-2.335	96,9
Công trình + #		86		86		86	
Tại Vĩnh Phúc	1.781	1.781	13.186	-11.405	13,5		100,0
Tại Thái Nguyên	69.400	71.288	68.120	3.168	104,7	1.888	102,7

2.1.3. Nhận xét chung:

a/. Địa bàn Hà Nội:

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Hà Nội đạt 493.584 tấn giảm 33,3% so với cùng kỳ năm 2019 (giảm 246.972 tấn, giảm chủ yếu ở sản phẩm xi măng Hoàng Thạch). Nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do:

- Theo đánh giá, nhu cầu tiêu thụ xi măng bao trên địa bàn Hà Nội trong năm 2020 giảm khoảng 10 - 15% so với năm 2019 (nhu cầu sử dụng xi măng rời ngày càng tăng).
- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ cuối tháng 3 đến hết tháng 4 (đợt 1) và cuối tháng 7/2020 (đợt 2).
- Xu hướng chuyển dịch từ sử dụng xi măng bao để đổ bê tông sang sử dụng bê tông thương phẩm.
- Ảnh hưởng từ sự cạnh tranh của các chủng loại xi măng giá rẻ (Xuân Thành,

Long Sơn, Hoàng Long, Thành Thắng...): giá nhập cửa hàng của các chủng loại sản phẩm trên đều rất thấp (thấp hơn so với các chủng loại xi măng VICEM từ 200.000 đến 300.000 đồng/tấn), do đó lợi nhuận của các NPP và cửa hàng tiêu thụ các chủng loại xi măng trên đều cao hơn rất nhiều so với các chủng loại xi măng VICEM.

➤ Ảnh hưởng về giá của các loại xi măng trong VICEM như xi măng Bút Sơn, Bim Sơn, Hải Phòng: Giá xi măng MC 25 Bút Sơn thấp hơn so với Hoàng Thạch từ 50.000 đến 90.000 đồng/tấn tùy từng địa bàn; giá xi măng PCB40 Bim Sơn, Hải Phòng thấp hơn so với Hoàng Thạch từ 150.000 đến 250.000 đồng/tấn tùy từng địa bàn.

➤ Thay đổi trong xu hướng tiêu dùng của các cửa hàng VLXD: do chịu sức ép về sản lượng, nên vào thời điểm cuối năm, các nhà máy xi măng đều đưa ra rất nhiều các chương trình chiết khấu, khuyến mại nhằm tăng sản lượng tiêu thụ.

Điều này làm ảnh hưởng tới tâm lý tiêu dùng của các cửa hàng VLXD, các cửa hàng VLXD đều chờ có các chương trình chiết khấu, khuyến mại thì mới nhập xi măng Vicem về tiêu thụ, khi không có các chương trình chiết khấu, khuyến mại, thì các cửa hàng sẽ hướng sang tiêu dùng các chủng loại xi măng ngoài Vicem (do giá thành thấp, lợi nhuận cao).

Mặc dù trong nửa cuối năm 2020, Công ty TMXM cũng đã triển khai các chương trình khoán sản lượng tới các cửa hàng VLXD, nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng của xu hướng tiêu dùng trên, nhưng gần như vẫn chưa đạt được kỳ vọng đã đề ra (do các cửa hàng VLXD tại các địa bàn có sản lượng tiêu thụ dưới 100 tấn/tháng chiếm tỷ trọng khá lớn...).

➤ Địa bàn kinh doanh xi măng của Thương mại xi măng không ổn định do Công ty sản xuất mở thêm nhiều Nhà phân phối và cắt nhiều địa bàn tiêu thụ chính của Công ty TMXM.

+ Năm 2020, Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch không ký hợp đồng cho Thương mại xi măng bán tại địa bàn Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh (giao cho nhà phân phối Thành Trung tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch tại 03 địa bàn trên).

+ Trong nửa đầu tháng 7/2020, Công ty xi măng Hoàng Thạch cũng đã dừng việc tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch tại địa bàn Gia Lâm, Long Biên của Công ty TMXM, và giao cho nhà phân phối Thành Trung tiêu thụ.

Điều này là nguyên nhân chính gây giảm sản lượng tại địa bàn Bắc Sông Hồng và các khu vực lân cận (giá bán và lợi nhuận kênh phân phối giảm, gây tâm lý hoang mang, dao động cho CBNV của Công ty và các đầu mối, cửa hàng VLXD. Do vậy, đầu mối, cửa hàng VLXD đã chủ động tìm thêm nhiều nguồn xi măng trong và ngoài Vicem khác để đưa về tiêu thụ tại các địa bàn chính của Công ty TMXM...).

b/. Địa bàn Vĩnh Phúc:

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Vĩnh Phúc đạt 1.781 tấn, chỉ bằng 13,5% so với cùng kỳ năm 2019 (giảm 11.405 tấn). Nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do từ ngày 14/3/2020 Công ty xi măng Vicem Bút Sơn dừng cấp hàng cho Thương mại xi măng tại địa bàn Vĩnh Phúc.

c/. Địa bàn Thái Nguyên:

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Thái Nguyên đạt 71.288 tấn, đạt 102,7% so với kế hoạch và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2019 (tăng chủ yếu ở sản phẩm xi măng rời Hoàng Thạch).

Mặc dù sản lượng tiêu thụ tại địa bàn Thái Nguyên đã đạt được kế hoạch đề ra, nhưng so với cùng kỳ năm 2019 vẫn giảm sản lượng xi măng bao, nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do:

- Đây là địa bàn chính tiêu thụ sản phẩm xi măng Quang Sơn, La Hiên, Quán Triều. Xi măng Hoàng Thạch tiêu thụ tại địa bàn Thái Nguyên chủ yếu là sản phẩm PCB40 - chuyên phục vụ cho việc đổ móng mái, trong khi tại địa bàn chủ yếu sử dụng bê tông thương phẩm nên sản lượng xi măng giảm, đối với xi măng xây trát không cạnh tranh được với các sản phẩm xi măng giá rẻ mác cao tại địa phương.

- Chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các chủng loại xi măng trong Vicem như Bút Sơn, Hải Phòng... giá bán xi măng dùng cho phân khúc xây đồ của các chủng loại xi măng trên rẻ hơn gần 200.000 đồng/tấn so với xi măng Hoàng Thạch.

- Từ 01/01/2020, Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch thu hẹp địa bàn của Công ty Thương mại xi măng, mở thêm nhà phân phối tiêu thụ tại Huyện Phú Bình, Sông Công, Phổ Yên. Điều này là nguyên nhân chính làm giảm sản lượng tiêu thụ xi măng bao Hoàng Thạch cũng như gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý khách hàng trong hệ thống bán hàng của Thương mại xi măng trong thời gian qua.

2.2. Giá bán và chính sách bán hàng:

- + Căn cứ chính sách giá bán, chiết khấu, khuyến mại của nhà sản xuất và tình hình thị trường, Công ty ban hành giá bán, chính sách bán hàng gắn với sản lượng từng nhà phân phối cấp 2 / khách hàng để ổn định và phát triển thị trường, đảm bảo lợi ích giữa nhà phân phối chính (TMXM) - Đầu mối (NPP cấp 2) - CHVLXD / khách hàng trong chuỗi giá trị đặc biệt là hệ thống CHVLXD.

- + Bên cạnh việc rà soát điều chỉnh giá, chính sách chiết khấu thì việc cập nhật thông tin thị trường, phân tích đối thủ cạnh tranh chưa kịp thời, chưa bám sát thị trường nên chưa tạo được động lực thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là sụt giảm sản lượng ở những vùng thị trường cạnh tranh với NPP khác cùng tiêu thụ sản phẩm VICEM.

- + Phân công địa bàn cho từng nhân viên thị trường để quản lý, kiểm soát chặt chẽ địa bàn, hệ thống bán hàng, đường đi của sản phẩm, giá giao đến các cửa hàng VLXD/khách hàng, hạn chế cạnh tranh nội bộ.

2.3. Công tác quản lý hệ thống bán hàng:

- + Việc quản lý hệ thống bán hàng tại một số địa bàn chưa chặt chẽ, vẫn còn tình trạng bán xi măng không đúng địa bàn, cạnh tranh nội bộ làm giảm nguồn lực, giảm lợi nhuận.

- + Công tác bán hàng còn qua nhiều khâu trung gian nên việc phân phối chuỗi giá trị chưa hợp lý, một số NPP, cửa hàng VLXD chuyển sang bán nhiều loại xi măng giá rẻ lợi nhuận cao.

- + Công ty đã phối hợp với Công ty XM Vicem Hoàng Thạch tổ chức thành công Hội nghị khách hàng và trao thưởng đối với các NPP, khách hàng có thành tích cao trong công tác tiêu thụ xi măng năm 2020 nhằm động viên hệ thống, tạo động lực

để hệ thống tăng sản lượng tiêu thụ.

+ Trong tháng 12/2020 Công ty đã tiến hành đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán xi măng năm 2021 với các NPP, Khách hàng tại khu vực Hà Nội gồm 24 NPP và 02 khách hàng (bao gồm 581 CHVLXD) tại các địa bàn cụ thể như sau:

* Địa bàn Bắc Sông Hồng: (bao gồm: quận Long Biên và huyện Gia Lâm). Công ty đã ký hợp đồng mua bán xi măng với 6 NPP (bao gồm 102 CH VLXD)

* Địa bàn Nam Sông Hồng: (bao gồm các quận, huyện: Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Cầu Giấy, Nam Bắc Từ Liêm, Thanh Trì). Công ty đã ký hợp đồng mua bán xi măng với 12 NPP và 02 Khách hàng (bao gồm 301 CH VLXD).

* Địa bàn Hà Tây Cũ: (bao gồm các quận huyện: Hà Đông, Chương Mỹ, Thanh Oai, Hoài Đức, Đan Phượng, Thường Tín, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Ứng Hòa). Công ty đã ký hợp đồng mua bán xi măng với 6 NPP (bao gồm 178 CH VLXD).

2.4. Công tác vận tải, giao nhận:

+ Theo dõi sát tình hình xuất hàng và quá trình vận chuyển xi măng từ các Công ty sản xuất về đến các điểm dỡ hàng tại khu vực các cảng Hà Nội. Không để xảy ra tình trạng thất thoát hàng hóa, đảm bảo đủ chân hàng cung cấp cho toàn địa bàn Công ty quản lý.

+ Giải quyết kịp thời các bất cập trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển, điều chuyển, luân chuyển các phương tiện vận tải giữa các bến cho thuận tiện.

+ Tháng 12/2020 Công ty đã tổ chức đấu thầu vận tải xi măng bao tuyến đường thủy đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định; Đàm phán và ký kết xong hợp đồng năm 2021 đối với các đơn vị vận chuyển, bốc xếp, bến bãi,....

2.5. Công tác tài chính:

2.5.1 Nợ phải thu:

DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư nợ ngày 01/01/2020	Dư nợ ngày 31/12/2020	Tăng/giảm
		1	2	3=(2-1)
1	Nợ luân chuyển	14.766	7.649	-7.117
1.1	Phòng BH	13.883	5.289	-8.594
1.2	CN Thái Nguyên	883	2.360	1.477
2	Nợ chậm luân chuyển	9.109	8.516	-593
	Phòng BH	9.109	8.516	-593
3	Nợ khó đòi	31.558	30.782	-776
3.1	Phòng BH	23.688	22.924	-764
3.2	CN Thái Nguyên	92	92	0
3.3	Phòng KDV LXD (cũ)	289	277	-12
3.4	Tổng nợ sắt thép	7.489	7.489	0
	Cộng (1+2+3)	55.433	46.947	-8.486

Tại thời điểm hết ngày 31/12/2020 nợ phải thu khách hàng của Công ty là 46.947 triệu đồng, trong đó: Nợ trong hạn là 7.649 triệu đồng, Nợ chậm luân chuyển là 8.516 triệu đồng; Nợ khó đòi 30.782 triệu đồng.

- Đối với các khoản nợ phải thu khách hàng trong hạn, có bảo lãnh thanh toán ngân hàng. Công ty thường xuyên theo dõi việc cấp hàng và thanh toán tiền hàng của khách hàng theo đúng hạn mức quy định của Công ty và bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, (giảm so với ngày 01/01/2020 là 7.117 triệu đồng, số tiền bảo lãnh của khách hàng tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 30.800 triệu đồng. Việc đối chiếu xác nhận công nợ phải thu khách hàng đã được thực hiện đầy đủ hàng tháng, hàng quý và năm.

- Đối với các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn, chậm luân chuyển: Tại thời điểm 01/01/2020 là 9.109 triệu đồng, Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi, đồng thời Công ty có các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng nợ nên trong năm 2020 thu được 593 triệu đồng

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi là 30.782 triệu đồng: trong đó nợ phải thu khách hàng khó đòi đã trích lập dự phòng là 23.882 triệu đồng và nợ phải thu khác khó đòi (vụ án sắt thép) đã trích lập dự phòng là 6.900 triệu đồng.

+ Ban thu hồi nợ của Công ty thường xuyên đôn đốc, tích cực làm việc với các đối tượng nợ yêu cầu có kế hoạch, cam kết trả nợ khả thi; tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện cam kết của các đối tượng nợ.

+ Công ty tiếp tục rà soát, củng cố hồ sơ và thuê đơn vị tư vấn Luật nghiên cứu, xem xét thêm một số trường hợp có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản để tố giác ra cơ quan Công An và khởi kiện dân sự.

+ Trong năm 2020 Công ty đã thu được 776 triệu đồng, đồng thời đã đưa 01 trường hợp ra cơ quan Pháp luật và đang chờ thi hành án (Công ty TNHH Tùng Nam).

2.5.2. Nợ phải trả: Công ty tuân thủ đầy đủ chính sách công nợ của các nhà cung cấp, đặc biệt là các nhà máy xi măng trong nội bộ Vicem. Công ty đã thực hiện trả trước với nhà máy xi măng Bút Sơn.

2.5.3. Công tác tài chính:

- Phòng kế toán chủ động cần đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và tạo ra lợi nhuận từ dòng tiền thặng dư.

2.6. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý tài sản:

Trong năm 2020, Công ty thực hiện sửa chữa với giá trị là : 81 triệu đồng, đạt 21,3 % so với kế hoạch được duyệt tại khu vực trụ sở làm việc tại 348 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

2.7. Công tác tổ chức lao động và tái cơ cấu Công ty:

- Thực hiện tái cơ cấu từng giai đoạn, tổ chức rà soát lập kế hoạch sử dụng lao động; Sắp xếp, định biên lại lao động theo từng vị trí, chức danh công việc; Xây dựng kế hoạch đào tạo người lao động trong từng giai đoạn của năm 2020.

- Tiến hành rà soát, bổ sung nhân sự vào quy hoạch các cấp cán bộ thuộc diện Công ty quản lý và cán bộ lãnh đạo thuộc diện Tổng công ty quản lý theo

đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Tổng công ty.

2.8. Công tác an toàn lao động, PCCN và môi trường:

- Chủ động làm tốt công tác vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ tại trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi thuộc Công ty quản lý. Đặc biệt trong dịp nghỉ lễ, tết đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

- Kiểm tra các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc nếu có hư hỏng tiến hành sửa chữa kịp thời đảm bảo an toàn về người và tài sản đặc biệt trong mùa mưa bão năm 2020.

- Xây dựng kế hoạch, thực hiện tháng hành động về an toàn vệ sinh lao động năm 2020 do Tổng công ty xi măng phát động.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động BVMT và đảm bảo an toàn lao động như trồng cây xanh tại trụ sở làm việc Công ty, vệ sinh khu vực trụ sở nhà kho, sân bãi ... để đảm bảo vệ sinh chung trong khu vực. Đồng thời kiểm tra đôn đốc các đơn vị thuê kho, bãi thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ.

Phần II

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

I. Đặc điểm tình hình:

Dự báo năm 2021, nguồn cung xi măng trong nước tiếp tục tăng mạnh do một số nhà máy mới đã đi vào vận hành trong năm 2020 (dây chuyền 3 xi măng Long Sơn vận hành từ cuối tháng 12/2020; xi măng Tân Thắng vận hành từ tháng 6/2020...), đồng thời một số dự án nhà máy xi măng mới cũng sẽ khởi công trong năm 2021 (xi măng Đại Dương).

- Hoạt động xuất khẩu xi măng trong năm 2021 chưa tăng do vẫn ảnh hưởng của dịch Covid - 19. Nhu cầu nhập khẩu xi măng sẽ suy giảm do: **Nhiều thị trường áp thuế phòng vệ đối với xi măng Việt Nam:** Phillipines (áp thuế nhập khẩu ~5% giá bán) hay Bangladesh (áp thêm 8% VAT từ mức 15% lên 23%). Điều này có thể tạo ra xu hướng áp thuế tại nhiều thị trường xuất khẩu khác của Việt Nam (Trung Quốc, Bangladesh, Châu Phi,...) gây ảnh hưởng lớn tới hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong ngành.

Mặt khác giá cước vận chuyển quốc tế tăng cao do giá xăng dầu tăng, giá nguyên vật liệu sản xuất bao bì,... tăng nên ảnh hưởng rất lớn tới việc xuất khẩu xi măng.

- Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam được ngăn chặn hiệu quả cùng với việc tái khởi động lại các dự án bất động sản, xây dựng và đà phục hồi chung của nền kinh tế, sản lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm xi măng được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

II. Kế hoạch năm 2021 và biện pháp thực hiện:

1. Các chỉ tiêu chính:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2020	Tăng trưởng so với năm 2020
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng mua	Tấn	835.000	567.835	147,0
2	Sản lượng bán	-	835.000	566.653	147,35
2.1	<i>Bán nội địa</i>	-	635.000	566.653	112,1
2.2	<i>XK + Clinker</i>	-	200.000		
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	<i>Tr đồng</i>	884.870	607.739	145,6
2	LN trước thuế	-	11.000	10.999	100
3	Ebitda	-	10.979	11.470	95,7
4	Nộp ngân sách	-	7.500	7.345	102,1
5	Cổ tức dự kiến	<i>% năm</i>	8	8	
III	Chỉ tiêu LĐTL				
5	Lao động bq	Người	98	102	
2	Tổng quỹ lương	ng đồng	14.000.000	14.000.000	100
3	Tiền lương bq	nghìn đồng/người/tháng	11.905	11.438	104,08
4	Thu nhập bq	nghìn đồng/người/tháng	12.405	11.938	103,9
5	Tiền lương bq NLĐ	nghìn đồng/người/tháng	11.140	10.690	100,4

2. Các giải pháp :

2.1 Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm:

- Sắp xếp lại hệ thống đầu mối, cửa hàng VLXD, loại bỏ những đầu mối nhỏ, sản lượng tiêu thụ thấp, năng lực yếu và kinh doanh nhiều loại xi măng. Sắp xếp và phát triển hệ thống cửa hàng VLXD tại từng địa bàn (quận, huyện) đảm bảo độ phủ và mật độ các cửa hàng VLXD, giảm cạnh tranh nội bộ, tăng sản lượng, lợi nhuận cho cửa hàng.

- Sản phẩm:

+ Đối với xi măng Hoàng Thạch: tập trung đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm xi măng bao PCB40 và MC25 tại các địa bàn, tăng cường tiếp thị sản phẩm xi măng rời Hoàng Thạch đến các công trình, trạm trộn tại địa bàn Hà Nội, Thái Nguyên.

Đưa sản phẩm xi măng bao MC25 Hoàng Thạch về tiêu thụ tại cảng Hồng Vân nhằm đẩy mạnh phát triển thị trường tại các quận, huyện thuộc địa bàn Hà Tây cũ (một số địa bàn mà thương hiệu xi măng Hoàng Thạch còn khá yếu).

+ Đối với xi măng Bút Sơn: tăng cường tiếp thị xi măng Bút Sơn đến các công trình dự án trên địa bàn Hà Nội (nhất là đối với sản phẩm xi măng bao dán Bút Sơn), tăng cường công tác quản lý hàng về đúng địa bàn.

- Kiểm soát hệ thống phân phối từ đầu mối đến các cửa hàng VLXD bằng CNTT, ứng dụng CNTT trong đặt hàng, chiết khấu, khuyến mại.

- Xây dựng giá bán, chính sách chiết khấu đến cửa hàng VLXD đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời; cắt giảm chi phí trung gian, phân bổ lại chuỗi giá trị giữa Nhà phân phối chính với đầu mối và cửa hàng VLXD, tăng lợi nhuận cho cửa hàng VLXD.

- Điều chỉnh giá bán xi măng bao MC25 tại khu vực Bắc Sông Hồng và Hà Tây cũ nhằm phù hợp với thực tế cạnh tranh trên thị trường (cân đối xem xét điều chỉnh bằng giá bán xi măng bao MC25 Bút Sơn...).

- Định kỳ tổ chức Hội nghị khách hàng khu vực để trao đổi, giải quyết vướng mắc của khách hàng, tiếp thu ý kiến từ cửa hàng VLXD, khách hàng để điều chỉnh chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng phù hợp.

- Tổ chức đào tạo, phân công nhiệm vụ cho nhân viên thị trường, nhân viên thương vụ chăm sóc khách hàng phối hợp với đầu mối, cửa hàng VLXD phát triển hệ thống khách hàng, hướng khách hàng sử dụng xi măng VICEM.

2.2. Giải pháp về Tài chính và quản lý nợ:

Rà soát những tài sản đã hết khấu hao, không có nhu cầu sử dụng và không hiệu quả để bán thanh lý thu hồi vốn cho Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ, quản lý chặt chẽ công nợ không để phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi; Xây dựng kế hoạch và giải pháp chi tiết thu hồi nợ của từng khách nợ theo tháng, quý để đôn đốc thực hiện.

- Cân đối dòng tiền nhàn rỗi để lựa chọn gửi các tổ chức tín dụng có uy tín, lãi suất cao để tăng hiệu quả cho Công ty nhưng vẫn đảm bảo an toàn về tài chính, tránh rủi ro.

- Chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán cập nhật kịp thời chi phí, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, phục vụ công tác điều hành.

2.3. Giải pháp đầu tư xây dựng và quản lý tài sản, đất:

- Công tác đầu tư xây dựng : Tiếp tục thực hiện các thủ tục kí hợp đồng thuê đất để làm cơ sở thực hiện dự án sau này: Khu đất tại 348 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội và Khu đất tại ngõ 122 phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Công tác sửa chữa tài sản cố định (nhà cửa vật kiến trúc):Thực hiện kế hoạch sửa chữa năm 2021 theo kế hoạch được duyệt để phục vụ hoạt động SXKD của Công ty .

- Công tác an toàn lao động vệ sinh môi trường :Thực hiện công tác vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ tại trụ sở làm việc, nhà kho, sân bãi thuộc Công ty quản lý. Đặc biệt là trong dịp tết nguyên đán năm 2021.

Thường xuyên kiểm tra các hạng mục nhà cửa vật kiến trúc nếu có hư hỏng tiến hành sửa chữa kịp thời đảm bảo an toàn về người và tài sản .

- Công tác cho thuê bất động sản :Triển khai thực hiện hợp đồng cho thuê tài sản trên đất để đảm bảo các chỉ tiêu lợi nhuận năm 2021 của Công ty.

2.4. Giải pháp tổ chức lao động và tái cơ cấu Công ty:

Năm 2021 tiếp tục triển khai việc tái cơ cấu lao động, công ty giảm bớt và rút gọn phòng ban từ 04 phòng xuống còn 3 phòng gồm: Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán và Kinh doanh (nhập phòng Kế hoạch - Thị trường và phòng Bán hàng); Rà soát sắp xếp lại lao động.

2.5. Các công tác khác:

Tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động, môi trường, PCCN và phòng chống bão lụt trong mùa mưa bão đảm bảo an toàn cho người, tài sản và hàng hóa.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Hưởng ứng các phong trào thi đua do lãnh đạo Công ty và cấp trên phát động.

Công tác Đảng, đoàn thể thực hiện theo kế hoạch và chỉ đạo của Tổng công ty.

Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng kính báo cáo Hội đồng quản trị công ty.

GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Luyện



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2021
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty như sau:

I. Đặc điểm tình hình:

- Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2020 trong bối cảnh rất nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid 19.

+ Tình hình thị trường tài chính thế giới có nhiều diễn biến khó lường trong bối cảnh thế giới vẫn chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19 và căng thẳng giữa Mỹ và một số quốc gia với Trung Quốc tiếp tục kéo dài tác động xấu tới kinh tế thế giới.

+ Với quyết tâm vừa đẩy lùi dịch bệnh vừa phát triển kinh tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, nỗ lực tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

+ Việc dịch Covid-19 bùng phát trở lại vào cuối tháng 7 tại Đà Nẵng và lây lan sang một số địa phương khác trên cả nước đã gây cản trở sự phục hồi của các hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế.

+ Trước tình hình kinh tế thế giới khó khăn, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tăng trưởng âm, tuy nhiên tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong năm 2020 chỉ đạt mức tăng trưởng 2,91% (đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ qua).

+ Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, còn khu vực dịch vụ tăng 2,34% (ngành công nghiệp tăng 3,36%, ngành xây dựng có phần tích cực hơn với mức tăng 6,76%).

- Vicem - Công ty mẹ và các đơn vị thành viên đang xúc tiến quá trình tái cơ cấu, sắp xếp lại thị trường kinh doanh xi măng ...

- Cùng với đó, Vicem Thương mại xi măng cũng đẩy mạnh tái cơ cấu



theo hướng ngày càng bám sát với chức năng nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với điều kiện, môi trường kinh doanh hiện tại ...

- Tập thể Hội đồng quản trị Công ty gồm những thành viên có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý, đoàn kết, nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong công việc.

- Đội ngũ CBCNV có nhiều kinh nghiệm, với tinh thần trách nhiệm cao và bản lĩnh trong kinh doanh ...

Bên cạnh đó, quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2020 vẫn còn những trở ngại lớn khác, đó là ngành xi măng vẫn trong tình trạng cung vượt xa so với cầu, thị trường xuất khẩu cạnh tranh quyết liệt. Đặc biệt, cạnh tranh “nội bộ” giữa Công ty với các NPP khác của các Công ty sản xuất xi măng trong Vicem trên cùng một địa bàn có lúc, có nơi còn thiếu lành mạnh, minh bạch ... làm tiêu hao nguồn lực và giảm hiệu quả chung của Vicem cũng như các Công ty thành viên và Vicem Thương mại xi măng cũng không là ngoại lệ ...

Lao động vẫn trong tình trạng “người thừa, thợ thiếu” đã ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ của Công ty.

Năng lực tài chính của Công ty đã có nhiều cải thiện, song vẫn còn áp lực rất lớn của nợ xấu và nhiều tồn tại hệ lụy cần giải quyết.

Hệ thống quy chế, quy định đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn cần nhiều thời gian, công sức để tiếp tục hoàn thiện, nhất là phổ cập và vận dụng trong thực tiễn kinh doanh .v.v...

Song nhờ thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam cùng sự quan tâm động viên của Quý vị cổ đông và tạo điều kiện của Quý khách hàng... HĐQT, Ban điều hành cùng CBCNV và người lao động Công ty đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu khắc phục khó khăn, tranh thủ thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ năm 2020.

II. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu kinh doanh và tình hình công tác quản lý Công ty năm 2020:

1. Kết quả thực hiện mục tiêu kinh doanh năm 2020:

Năm 2020 Công ty đạt một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2020		Thực hiện năm 2020	% TH so KH
			NQ ĐHĐCD	Điều chỉnh T12		
1	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	1.032.000	570.000	566.653	99,4
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.106.960	611.721	607.739	99,6
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	7.500	6.700	7.345	109,6

4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10.530	10.935	10.999	100,5
5	Tiền lương bq người lao động	đ/ng/tháng	10.800	10.800	10.690	100,0
6	Cổ tức	%/năm	8-10%	8-10%	8,0	100,0

- Công tác xử lý nợ khó đòi:

+ Ban thu hồi công nợ đã phối hợp với các phòng ban liên quan thường xuyên đôn đốc, tích cực làm việc với các đối tượng nợ, yêu cầu có kế hoạch trả nợ cụ thể.

+ Tiếp tục rà soát, củng cố hồ sơ của các đối tượng nợ để đưa một số trường hợp ra cơ quan pháp luật.

+ Tổng số nợ khó đòi thu được trong năm là 776 triệu đồng.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc Tập thể bàn bạc thống nhất, cá nhân phụ trách. Các thành viên HĐQT đều đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện theo nhiệm vụ được phân công. HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Trên cơ sở giám sát tình hình thực hiện các chương trình, nội dung chủ yếu mà HĐQT đã Nghị quyết.

Hội đồng quản trị Công ty đã họp 05 phiên:

- Ngày 17/01/2020 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 1/2020: Biên bản họp số 91/BB-HĐQT ngày 17/01/2020.

- Ngày 04/3/2020 Hội đồng quản trị Công ty đã họp ra Nghị quyết về việc khai thác, kinh doanh tài sản trên đất năm 2020: Biên bản họp số 193/BB-HĐQT ngày 04/3/2020.

- Ngày 01/6/2020 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 2/2020: Biên bản họp số 444/BB-HĐQT ngày 01/6/2020.

- Ngày 14/8/2020 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 3/2020: Biên bản họp số 694/BB-HĐQT ngày 14/8/2020.

- Ngày 23/10/2020 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 4/2020: Biên bản họp số 932/BB-HĐQT ngày 23/10/2020.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 12 Nghị quyết và Quyết định:

SỐ TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	38/NQ-HĐQT	06/01/2020	Nghị quyết V/v ký hợp đồng mua, bán xi măng năm 2020.
02	92/NQ-HĐQT	17/01/2020	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 1 năm 2020.
03	132/NQ-HĐQT	07/02/2020	Nghị quyết V/v ký hợp đồng tiền gửi, hợp đồng bảo lãnh thanh toán.

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
04	151/NQ-HĐQT	18/02/2020	Nghị quyết V/v hợp đồng xuất khẩu xi măng năm 2020.
05	194/NQ-HĐQT	04/3/2020	Nghị quyết V/v khai thác, kinh doanh tài sản trên đất năm 2020.
06	225/QĐ-TMXM	16/3/2020	Thành lập Ban tổ chức chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
07	250/NQ-HĐQT	26/3/2020	Nghị quyết V/v gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
08	445/NQ-HĐQT	01/6/2020	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 2 năm 2020
09	522/NQ-ĐHĐCĐ	26/6/2020	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
10	695/NQ-HĐQT	14/8/2020	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 3 năm 2020
11	846/NQ-HĐQT	28/9/2020	Nghị quyết v/v thời gian chi trả cổ tức năm 2019
12	933/NQ-HĐQT	23/10/2020	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 4 năm 2020

3. Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2020:

Trong năm 2020 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 276.000.000 đồng.

4. Đánh giá tình hình công tác quản lý:

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý cũng như các cuộc họp đột xuất để kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý, năm, xây dựng mục tiêu, chương trình công tác quý sau, năm sau; Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên; Phân tích, thảo luận và đi đến thống nhất quyết định các vấn đề về nhân sự, về sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty. Hội đồng quản trị đã phát huy tinh thần dân chủ, tập trung trí tuệ, bàn phương hướng, nhiệm vụ và quyết nghị nhiều vấn đề trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện. Do đó, công tác quản lý đã có bước chuyển mới, góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Ban điều hành và các thành viên liên quan hoạt động trên tinh thần phân công, phân cấp cụ thể, không chồng chéo và lấy hiệu quả hoạt động của Công ty làm mục tiêu hàng đầu. Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành Công ty thông qua các báo cáo họp giao ban hàng tháng, quý, năm của Giám đốc; Thông qua các báo cáo của Giám đốc trong các phiên họp của Hội đồng quản trị; Thông qua báo cáo một số công việc trọng yếu của Công ty;

Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh tiêu thụ xi măng bằng nhiều biện pháp như: đảm bảo nguồn hàng, cơ chế tiêu thụ (giá bán, chi phí bán hàng, chiết khấu thương mại, khuyến mại...) được xử lý, điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường tại từng thời điểm do vậy đã góp phần giữ vững địa bàn, thị phần và lợi nhuận vượt so với mục tiêu đề ra.

- Công tác tổ chức được chú trọng, Công ty đã thực hiện phương án tái cơ cấu, từng bước sắp xếp lại tổ chức trên cơ sở tinh giảm bộ máy quản lý, giảm lao động gián tiếp, tăng cường lao động trực tiếp.

- Chỉ đạo tận dụng cơ sở vật chất của Công ty bằng cách cho thuê kho, trụ sở Công ty, trụ sở của các Văn phòng tại các tỉnh đồng thời chỉ đạo việc tiết kiệm chi phí lưu thông trong điều kiện cho phép nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo thu nhập cho CBCNV và tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi nhuận để trả cổ tức cho các cổ đông.

- Tiếp tục duy trì áp dụng và sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế về quản lý và điều hành của Công ty như: Quy chế bán hàng, quy định thanh toán tiền mua, bán xi măng,... Do thực hiện nghiêm túc các quy định của Công ty nên công tác quản lý đã có những chuyển biến tích cực đáp ứng kịp thời cho điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau mỗi kỳ họp, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết nghị để chỉ đạo Giám đốc điều hành và thường xuyên kiểm tra đôn đốc.

Tuy nhiên trong quá trình quản lý, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy còn những hạn chế nhất định, cụ thể là:

- Công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ của Công ty trong năm qua mặc dù đã được lãnh đạo Công ty quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực, song mức dư nợ của một số khách hàng vẫn còn ở mức cao và nợ tồn đọng của một số đối tượng, khách hàng vẫn chưa thu hồi hết.

- Công tác đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý ở các phòng ban, đơn vị cần được chú trọng nhằm phù hợp với tình hình mới.

- Công tác đầu tư xây dựng: Năm 2020, Công ty triển khai thủ tục để ký hợp đồng thuê đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu đất số 348 đường Giải Phóng, tuy nhiên việc ký hợp đồng thuê đất và xin cấp giấy chứng nhận chưa xong do các thủ tục về đất đai rất phức tạp và có liên quan đến việc quy hoạch và hiện trạng khu đất.

III. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 và thời gian tới:

Dự báo năm 2021 tình hình kinh tế cả nước còn rất nhiều khó khăn, dịch bệnh COVID-19 chưa có dấu hiệu thuyên giảm, khó khăn trong việc thuê phương tiện vận tải thủy, công nhân bốc xếp tại cảng ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thụ xi măng.

Từ những nhận định trên cho thấy môi trường kinh doanh năm 2021 còn gặp nhiều khó khăn so với 2020. Công ty xác định mục tiêu kinh doanh năm 2021, như sau:

Định hướng hoạt động của Công ty là: Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh, khai thác mọi nguồn lực để từng bước mở rộng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế Công ty trên thương trường. Đồng thời, tiến hành kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, với lộ trình phù hợp; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị thông qua việc rà soát, xây dựng và kiện toàn hệ thống quy chế, quy trình và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin... không ngừng nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả doanh nghiệp. Đẩy mạnh thực hiện xuất khẩu và kinh doanh xi măng trên các địa bàn theo định hướng của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ : 852.000 tấn
- Tổng doanh thu : 884.871 triệu đồng
- Nộp ngân sách : 7.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 11 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến : 8 - 10 %/ năm
- Công tác quản lý nợ và xử lý nợ khó đòi:

+ Tiếp tục tập trung trong công tác quản lý nợ, trên cơ sở từng bước hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý nợ, quản lý bán hàng; Xây dựng hệ thống, chế độ báo cáo, đối chiếu thường xuyên, định kỳ nhằm theo dõi chi tiết diễn biến tình hình công nợ của khách hàng...

+ Đối với nợ khó đòi: Tiếp tục rà soát, củng cố hồ sơ các khoản nợ khó đòi; Thường xuyên đôn đốc, đối chiếu, nắm bắt tình trạng khách hàng nợ để có biện pháp xử lý ngay; Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn luật cũng như các cơ quan có thẩm quyền trong xử lý nợ.

Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2021 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc Công ty cần tập trung chỉ đạo và giải quyết tốt những vấn đề sau:

1. Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh việc kinh doanh xi măng, tìm mọi biện pháp để chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021. Đảm bảo cổ tức chi trả cho các cổ đông theo mục tiêu Công ty xây dựng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, xây dựng và kiện toàn các quy định quản lý nội bộ, rà soát chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để có điều kiện giảm chi phí bán hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty.

3. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Định biên, sắp xếp, bố trí lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Thường

xuyên đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện tốt kỷ luật lao động đi liền với việc đẩy mạnh phân công, phân cấp, gắn chặt quyền lợi với trách nhiệm cụ thể trong thừa hành nhiệm vụ.

4. Tiếp tục cải tiến cơ chế và phương thức kinh doanh của Công ty; Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ, không để xảy ra tình trạng công nợ dây dưa kéo dài, khó đòi. Thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, đúng quy định.

5. Thực hiện đầy đủ chính sách, giải quyết tốt việc làm, thu nhập và đời sống đối với người lao động. Xây dựng hệ thống phân phối tiền lương, hệ thống đánh giá nhân viên gắn với năng suất và hiệu quả công việc; Từng bước thực hiện việc đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực, trình độ CBCNV ở các cấp đáp ứng yêu cầu công việc.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như quy chế, quy định của ngành và Vicem...

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng. Hội đồng quản trị bám sát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể, khắc phục những khó khăn và tồn tại để làm tốt hơn nữa công tác quản lý Công ty mà Đại hội đồng cổ đông đã tin tưởng giao cho./.

Xin trân trọng cảm ơn !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh



Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP VICEM Thương mại xi măng;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần VICEM Thương mại xi măng;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần VICEM Thương mại xi măng như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021:

1. Các công tác đã thực hiện năm 2020:

Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và rà soát các Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Báo cáo của Ban kiểm soát đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2020, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2020;

- Đưa ra các ý kiến, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm sau mỗi cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát;

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;

- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty Kiểm toán độc lập, Đoàn kiểm tra thuế của Cục thuế Hà Nội;

° - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp với Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty định kỳ quý, 6 tháng, năm.

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty;

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 đã tuân thủ theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kế hoạch định hướng năm 2021:

Kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động của Công ty, vì sự phát triển của Công ty và quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

Kiểm tra, đôn đốc và đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT.

Định kỳ thẩm tra báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT, hội nghị sơ kết, tổng kết và các hội nghị chuyên đề (khi được mời tham dự), có ý kiến tham gia nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty.

Nắm bắt các cơ chế, chính sách mới ban hành để kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp (nếu có), nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

Thực hiện chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể nếu thấy cần thiết và các yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nếu có) theo quy định.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm;

Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty như: thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty; thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2019, kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;

Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2020:

1. Về công tác tiêu thụ xi măng của Công ty:

Năm 2020 sản lượng tiêu thụ thực hiện được 566.653,09 tấn chỉ đạt 54,91% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, tương ứng giảm 465.347 tấn, bằng 99,41% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM trong đó:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ nội địa năm 2020 được 566.653,09 tấn chỉ đạt 68,11% so với với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 (kế hoạch là 832.000 tấn), tương ứng giảm 265.347 tấn và bằng 91,41% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM.

- Sản lượng xi măng xuất khẩu năm 2020, Công ty không có đơn hàng xuất khẩu nào (kế hoạch năm 2020 là 200.000 tấn).

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 giảm so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM là do một số nguyên nhân sau:

a/. Địa bàn Hà Nội: Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Hà Nội đạt 493.498 tấn, chỉ đạt 66,06% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, tương ứng giảm 253.502 tấn bằng 98,95% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM (giảm chủ yếu ở sản phẩm xi măng Hoàng Thạch). Nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do:

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ cuối tháng 3 đến hết tháng 4 (đợt 1) và bùng phát trở lại vào cuối tháng 7/2020 (đợt 2) dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xi măng bao trên địa bàn Hà Nội trong năm 2020 giảm khoảng 10 - 15% so với năm 2019.

Xu hướng chuyển dịch từ sử dụng xi măng bao để đổ bê tông sang sử dụng bê tông thương phẩm.

Ảnh hưởng từ sự cạnh tranh của các chủng loại xi măng giá rẻ (Xuân Thành, Long Sơn, Hoàng Long, Thành Thăng...): giá nhập cửa hàng của các chủng loại sản phẩm trên đều rất thấp (thấp hơn so với các chủng loại xi măng VICEM từ 200.000 đến 300.000 đồng/tấn), do đó lợi nhuận của các NPP và cửa hàng tiêu thụ các chủng loại xi măng trên đều cao hơn rất nhiều so với các chủng loại xi măng VICEM.

Ảnh hưởng về giá của các loại xi măng trong VICEM như xi măng Bút Sơn, Bim Sơn, Hải Phòng: Giá xi măng MC 25 Bút Sơn thấp hơn so với Hoàng Thạch từ 50.000 đến 90.000 đồng/tấn tùy từng địa bàn; giá xi măng PCB40 Bim Sơn, Hải Phòng thấp hơn so với Hoàng Thạch từ 150.000 đến 250.000 đồng/tấn tùy từng địa bàn.

Thay đổi trong xu hướng tiêu dùng của các cửa hàng VLXD: do chịu sức ép về sản lượng, nên vào thời điểm cuối năm, các nhà máy xi măng đều đưa ra rất nhiều các chương trình chiết khấu, khuyến mại nhằm tăng sản lượng tiêu thụ. Điều này làm ảnh hưởng tới tâm lý tiêu dùng của các cửa hàng VLXD, các cửa hàng VLXD đều chờ có các chương trình chiết khấu, khuyến mại thì mới nhập xi măng Vicem về tiêu thụ, khi không có các chương trình chiết khấu, khuyến mại, thì các cửa hàng sẽ hướng sang tiêu dùng các chủng loại xi măng ngoài Vicem (do giá thành thấp, lợi nhuận cao).

Mặc dù trong nửa cuối năm 2020, Công ty TMXM cũng đã triển khai các chương trình khoán sản lượng tới các cửa hàng VLXD, nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng của xu hướng tiêu dùng trên, nhưng gần như vẫn chưa đạt được kỳ vọng đã đề ra (do các cửa hàng VLXD tại các địa bàn có sản lượng tiêu thụ dưới 100 tấn/tháng chiếm tỷ trọng khá lớn...).

Địa bàn kinh doanh xi măng của Thương mại xi măng không ổn định do Công ty sản xuất mở thêm nhiều Nhà phân phối và cắt nhiều địa bàn tiêu thụ chính của Công ty TMXM.

+ Năm 2020, Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch không ký hợp đồng cho Thương mại xi măng bán tại địa bàn Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh (giao cho nhà phân phối Thành Trung tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch tại 03 địa bàn trên).

+ Trong nửa đầu tháng 7/2020, Công ty xi măng Hoàng Thạch cũng đã dừng việc tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch tại địa bàn Gia Lâm, Long Biên của Công ty TMXM, và giao cho nhà phân phối Thành Trung tiêu thụ.

+ Điều này là nguyên nhân chính gây giảm sản lượng tại địa bàn Bắc Sông Hồng và các khu vực lân cận (giá bán và lợi nhuận kênh phân phối giảm, gây tâm lý hoang mang, dao động cho CBNV của Công ty và các đầu mối, cửa hàng VLXD. Do vậy, đầu mối, cửa hàng VLXD đã chủ động tìm thêm nhiều nguồn xi măng trong và ngoài VICEM khác để đưa về tiêu thụ tại các địa bàn chính của Công ty TMXM...).

b/. Địa bàn Vĩnh Phúc: Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Vĩnh Phúc đạt 1.781 tấn, chỉ bằng 11,87% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020. Nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do từ ngày 14/3/2020 Công ty xi măng Vicem Bút Sơn dừng cấp hàng cho Công ty tại địa bàn Vĩnh Phúc và bàn giao cho NPP khác bán.

c/. Địa bàn Thái Nguyên:

Sản lượng tiêu thụ năm 2020 tại địa bàn Thái Nguyên đạt 71.288 tấn, đạt 101,84% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và tăng 2,72% so với kế hoạch điều chỉnh của VICEM (tăng chủ yếu ở sản phẩm xi măng rời Hoàng Thạch).

Mặc dù sản lượng tiêu thụ tại địa bàn Thái Nguyên đã đạt được kế hoạch đề ra, nhưng so với cùng kỳ năm 2019 vẫn giảm, nguyên nhân của việc giảm sản lượng trên là do:

- Sự chuyển dịch từ sử dụng xi măng bao để đổ bê tông sang sử dụng bê tông thương phẩm (xi măng rời).

- Chịu sự cạnh tranh trực tiếp từ các chủng loại xi măng trong Vicem như Bút Sơn, Hải Phòng... giá bán xi măng dùng cho phân khúc xây dựng của các chủng loại xi măng trên rẻ hơn gần 200.000 đồng/tấn so với xi măng Hoàng Thạch.

- Từ 01/01/2020, Công ty xi măng Vicem Hoàng Thạch thu hẹp địa bàn của Công ty, mở thêm nhà phân phối tiêu thụ tại Huyện Phú Bình, Sông Công, Phổ Yên. Điều này là nguyên nhân chính làm giảm sản lượng tiêu thụ xi măng bao Hoàng Thạch cũng như gây ảnh hưởng lớn đến tâm lý khách hàng trong hệ thống bán hàng của Công ty trong thời gian qua.

2. Về kết quả kinh doanh của Công ty:

Tổng doanh thu năm 2020: 607,739 tỷ đồng chỉ đạt 54,90% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, tương ứng giảm 499,231 tỷ đồng và bằng 99,35% so với kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM. Nguyên nhân doanh thu giảm do sản lượng xi măng tiêu thụ trong nước, ảnh hưởng của dịch bệnh COVID19 và năm 2020 công ty không có đơn hàng xi măng xuất khẩu nào.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2020 là 10,999 tỷ đồng đạt 104,46% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, bằng 100,59 % so kế hoạch điều chỉnh năm 2020 của VICEM và so với cùng kỳ năm 2019 chỉ đạt 87,26% tương ứng giảm 1,606 tỷ đồng. Lợi nhuận năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019 là do một số nguyên nhân sau:

- Kinh doanh xi măng năm 2020 tiêu thụ được 566.653,09 tấn giảm 255.469 tấn tương ứng giảm 31,41%% so với cùng kỳ năm 2019 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid19 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi nên lợi nhuận trước thuế giảm hơn 4,3 tỷ đồng.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cho thuê văn phòng và kho 1,439 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ năm 2019 là 1,076 tỷ đồng. Do tăng giá tiền thuê đất và thuế đất của Nhà nước; Công ty giảm giá thuê cho các đơn vị thuê kho và văn phòng do ảnh hưởng của COVID19.

- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2020 đạt 8,339 tỷ đồng tăng 3,139 tỷ đồng với cùng kỳ năm 2019. Do Công ty thường xuyên cân đối dòng tiền nhàn rỗi để gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nên lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh tài chính tăng.

- Lợi nhuận khác năm 2020 đạt 1,193 tỷ đồng tăng 713 trăm triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019 do Công ty thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ tiêu thụ xi măng của Công ty sản xuất xi măng.

Nộp ngân sách năm 2020: 7.345 tỷ đồng chỉ đạt 97,94% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và bằng 109,63% so với kế hoạch điều chỉnh của VICEM nguyên nhân giảm do thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Dự kiến trả cổ tức 8% bằng 100% so với mục tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 (mục tiêu trả cổ tức năm 2010 từ 8-10%).

3. Về công tác tài chính kế toán:

Ban Điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật.

- Đối với các khoản nợ phải thu khách hàng trong hạn, có bảo lãnh thanh toán ngân hàng. Công ty thường xuyên theo dõi việc cấp hàng và thanh toán tiền hàng của khách hàng theo đúng hạn mức quy định của Công ty và bảo lãnh thanh toán của ngân hàng, (giảm so với ngày 01/01/2020 là 7.220 triệu đồng, số tiền bảo lãnh của khách hàng tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 30.800 triệu đồng. Việc đối chiếu xác nhận công nợ phải thu khách hàng đã được thực hiện đầy đủ hàng tháng, hàng quý và năm.

- Đối với các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn, chậm luân chuyển:

+ Tại thời điểm 01/01/2020 là 9.109 triệu đồng, Công ty thường xuyên đôn đốc thu hồi, đồng thời Công ty có các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng nợ nên trong năm 2020 thu được 640 triệu đồng (trong đó có 01 nhân viên trả 100% số tiền là 348 triệu đồng. Đến hết ngày 31/12/2020 nợ quá hạn còn 8.469 triệu đồng.

+ Công ty đã dùng cấp hàng đối với các đối tượng nợ quá hạn, đồng thời thường xuyên đôn đốc, tích cực làm việc với các đối tượng nợ yêu cầu có kế hoạch và cam kết trả nợ.

- Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi là 30.782 triệu đồng: trong đó nợ phải thu khách hàng khó đòi đã trích lập dự phòng là 23.882 triệu đồng và nợ phải thu khác khó đòi (vụ án sắt thép) đã trích lập dự phòng là 6.900 triệu đồng.

+ Ban thu hồi nợ của Công ty thường xuyên đôn đốc, tích cực làm việc với các đối tượng nợ yêu cầu có kế hoạch, cam kết trả nợ khả thi; tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện cam kết của các đối tượng nợ.

+ Công ty tiếp tục rà soát, củng cố hồ sơ và thuê đơn vị tư vấn Luật nghiên cứu, xem xét thêm một số trường hợp có dấu hiệu lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản để tố giác ra cơ quan Công An và khởi kiện dân sự.

+ Trong năm 2020 Công ty đã thu được 776 triệu đồng, đồng thời đã đưa 01 trường hợp ra cơ quan Pháp luật và đang chờ thi hành án (Công ty TNHH Tùng Nam). Đối với nợ trong hạn: Công ty thường xuyên kiểm soát việc thu tiền và quản lý công nợ theo hạn mức quy định. Định kỳ xác nhận, đối chiếu công nợ của các NPP và các khách hàng.

+ Đến thời điểm ngày 31/12/2020 Công ty đã đưa 04 trường hợp ra cơ quan Pháp luật và đang chờ thi hành án với tổng số tiền nợ là 14,348 tỷ đồng.

4. Về công tác tổ chức, quản trị:

- Đảm bảo chấp hành pháp luật điều hành sản xuất kinh doanh, đáp ứng đầy đủ kịp thời chính sách cho người lao động, trong năm 2020 Công ty đã chi trang phục bảo hộ lao động, chống nóng cho người lao động và tổ chức cho CBCNV đi thăm quan du lịch và nghỉ mát.

- Các chế độ liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Công ty đã đóng đầy đủ kịp thời cho người lao động.

- Thực hiện tái cơ cấu từng giai đoạn, tổ chức rà soát lập kế hoạch sử dụng lao động; Sắp xếp, định biên lại lao động theo từng vị trí, chức danh công việc; Xây dựng kế hoạch đào tạo người lao động trong từng giai đoạn của năm 2020.

- Tiến hành rà soát, bổ sung nhân sự vào quy hoạch các cấp cán bộ thuộc diện Công ty quản lý và cán bộ lãnh đạo thuộc diện Tổng công ty quản lý theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Tổng công ty.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020:

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2020, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

2. Về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD trong năm 2020 theo BCTC như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Kế hoạch năm 2020 của VICEM	Thực hiện 2020	Số với TH năm 2019	Số với mục tiêu năm 2020	Số với KII năm 2020 của VICEM
1. Sản lượng mua vào	Tấn	822.890	1.032.000	570.000	567.835	69,00	55,02	99,62
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	826.112	1.032.000	570.000	566.653	68,59	54,91	99,41
3. Tổng doanh thu	Tr.đg	849.231	1.106.970	611.721	607.739	71,56	54,90	99,35
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	12.606	10.530	10.935	10.999	87,26	104,46	100,59
5. Nộp ngân sách	Tr.đg	6.485	7.500	6.700	7.345	113,26	97,94	109,63
6. Cổ tức (dự kiến)	%	10%	8%-10%	8%-10%	8%	80,00	100,00	100,00
7. Lao động bình quân	Người	122	101	101	102	83,61	100,99	100,99
8. Tổng quỹ lương	Tr.đg	15.600	14.000	14.000	14.000	89,74	100,00	100,00
9. Tiền lương BQ	Tr.đ/ng/tháng	10,12	10,80	10,80	10,69	105,67	98,99	98,99

Căn cứ bảng tổng hợp nêu trên: Các chỉ tiêu Sản lượng và Tổng doanh thu của năm 2020 của Công ty điều không đạt so với mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và cùng kỳ năm 2019 do:

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 vào tháng 3 đến hết tháng 4 và bùng phát trở lại vào cuối tháng 7 tại Đà Nẵng và lây lan sang một số địa phương khác trên cả nước.

- Xu hướng chuyển dịch từ sử dụng xi măng bao để đổ bê tông sang sử dụng bê tông thương phẩm (xi măng rời) ảnh hưởng rất lớn đến việc tiêu thụ xi măng bao.

- Do địa bàn tiêu thụ của Công ty trong năm liên tục bị thu hẹp do nhà sản xuất thu lại một số vùng thị trường hoặc mở thêm nhà phân phối cùng bán đán xen cạnh tranh với VICEM Thương mại xi măng dẫn đến sản lượng, thị phần của Công ty giảm.

3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020:

3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Ngày 01/01/2020	Ngày 31/12/2020	So sánh
I	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
1	Cơ cấu tài sản				
1.1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98,17%	98,30%	0,13%
1.2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,83%	1,70%	-0,13%
2	Cơ cấu nguồn vốn				
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,19%	34,48%	-5,71%
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	59,81%	65,52%	5,71%
II	Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán hiện tại	Lần	2,53	2,99	0,46
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,0	0,7	-0,44
3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,47	2,89	0,42
III	Tỷ suất sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	%			
1.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%	1,49%	1,84%	0,34%
1.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,19%	1,45%	0,26%
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản				
2.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	7,54%	7,24%	96,04%
2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,00%	5,70%	94,92%
3	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu				
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	15,08%	13,16%	87,26%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	12,01%	10,35%	86,24%
IV	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,40	0,34	-0,06
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,67	0,53	-0,15

3.2. Về công nợ phải thu:

3.2.1. Nợ phải thu khách hàng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số dư nợ 01/01/2020	Số dư nợ 31/12/2020	Chênh lệch
I	Phải thu khách hàng	Tr.đồng	48.533	39.897	-8.636
1	Nợ trong hạn	Tr.đồng	14.766	7.546	-7.220
2	Nợ quá hạn	Tr.đồng	33.767	32.351	-1.416
2.1	<i>Nợ chậm luân chuyển</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>9.109</i>	<i>8.469</i>	<i>-640</i>
2.2	<i>Nợ khó đòi</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>24.658</i>	<i>23.882</i>	<i>-776</i>

3.2.2. Công nợ phải thu khác:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số dư nợ 01/01/2020	Số dư nợ 31/12/2020	Chênh lệch
I	Phải thu khác	Tr.đồng	7.988	13.506	5.518
1	Nợ trong hạn	Tr.đồng	1.088	6.606	5.518
2	Nợ khó đòi (vụ án sắt thép)	Tr.đồng	6.900	6.900	0

3.3. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tài:

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Không thay đổi lớn so với năm 2019. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Công ty đảm bảo, phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán hiện hành 2,99 lần, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 0,6 lần và khả năng thanh toán nhanh 2,89 lần cho thấy khả năng thanh toán của Công ty rất tốt.

Tỷ suất sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu thuần 1,45%; Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản 5,7%; Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu 10,35% đều cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ phải trả trên Tổng tài sản 0,34 lần; Hệ số nợ phải trả trên Vốn chủ sở hữu 0,53 lần thấp và đảm bảo.

Công nợ phải thu khách hàng: Tại ngày 31/12/2020 là 39,897 tỷ đồng, bằng 6,56% Tổng doanh thu, tỷ lệ này tăng 0,81% so với thời điểm ngày 31/12/2019, do Công ty tăng hạn mức cho khách hàng đối với khách hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán. Đến 31/12/2020 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định với tổng số đã trích là 33,196 tỷ đồng.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020:

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 và trả cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

- Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua.

- Công ty đã thực hiện trả cổ tức (10%) cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

2. Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020

- Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký của Công ty năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.

3. Về thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Tuy Công ty chưa hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 như: Sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 54,91% so với mục tiêu; Tổng doanh thu chỉ đạt 54,90% so với mục tiêu; Nộp ngân sách chỉ đạt 97,94% so với mục tiêu. Nhưng mục tiêu về lợi nhuận chỉ đạt 104,46% tăng 4,46% và Cổ tức đạt 100% so với mục tiêu (dự kiến cổ tức năm 2020 là 8%).

VI. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Đối với công tác tiêu thụ và quản lý thị trường:

- Tiếp tục sắp xếp lại hệ thống đầu mối, cửa hàng VLXD, loại bỏ những đầu mối năng lực yếu và kinh doanh nhiều loại xi măng.

- Công ty chủ động theo dõi diễn biến của thị trường, cơ chế chính sách của các loại xi măng khác, của các NPP cùng kinh doanh sản phẩm khác để đề xuất, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường.

- Phát triển hệ thống cửa hàng VLXD tại từng địa bàn (quận, huyện) đặc biệt tại khu vực Hà Tây cũ đảm bảo độ phủ và mật độ các cửa hàng VLXD, giảm cạnh tranh nội bộ, tăng sản lượng, lợi nhuận cho cửa hàng.

- Tăng cường tiếp thị sản phẩm xi măng rời VICEM Hoàng Thạch, VICEM Bút Sơn đến các công trình, trạm trộn tại địa bàn Hà Nội, Thủ Đức, Nguyễn.

- Kiểm soát hệ thống phân phối từ đầu mối đến các cửa hàng VLXD bằng CNTT, ứng dụng CNTT trong đặt hàng, chiết khấu, khuyến mại.

- Tổ chức đào tạo, phân công nhiệm vụ và gắn sản lượng tiêu thụ hàng tháng và quý cho nhân viên thị trường, nhân viên thương vụ chăm sóc khách hàng, cuối tháng phải đánh giá kết quả thực hiện.

Đối với giá bán và chính sách bán hàng:

- Xây dựng giá bán, chính sách chiết khấu đến cửa hàng VLXD đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời; cắt giảm chi phí trung gian, phân bổ lại chuỗi giá trị giữa Nhà phân phối chính với đầu mối và cửa hàng VLXD.

- Tiếp tục xây dựng cơ chế khuyến khích tạo gắn kết lâu dài giữa Công ty với Nhà phân phối/Khách hàng có năng lực, kinh doanh chủ yếu sản phẩm của VICEM đặc biệt là hệ thống cửa hàng VLXD.

Đối với công tác thu hồi nợ:

- Đề nghị Công ty có biện pháp thu hồi dứt điểm đối với công nợ vượt hạn mức, dây dưa và tồn đọng của các Nhân viên bán hàng, Nhà phân phối.

- Đề nghị Công ty xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi công nợ khó đòi hàng tháng, quý và thời gian xử lý từng khoản nợ trong năm. Đồng thời phải cương quyết đưa ra cơ quan pháp luật đối với những đối tượng nợ chây ỳ.

Sắp xếp lại lao động theo đề án tái cơ cấu, hoàn thiện ban hành quy chế trả lương, điều chỉnh tiền lương cho CBCNV và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, thẩm định báo cáo tài chính của Ban kiểm soát năm 2020 và chương trình hoạt động năm 2021, kính trình Đại hội./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Đặng Thành Công



TMXM-BKS

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Vicem Thương mại xi măng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

- Công ty Kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết năm 2021, có kinh nghiệm kiểm toán với các công ty đại chúng, có uy tín về chất lượng kiểm toán, đội ngũ kiểm toán có nhiều kinh nghiệm.

- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và ủy quyền cho Giám đốc Công ty lựa chọn 01 trong các công ty kiểm toán theo danh sách như sau:

(1) Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

(2) Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi gửi:

- Thông qua ĐHCĐ;
- HĐQT Công ty;
- Lưu VT, BKS.

Đặng Thành Công



Số XI MĂNG/TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng;

Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng;

Hội đồng quản trị Công ty CP Vicem Thương mại xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua nội dung Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt. Báo cáo tài chính 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng, bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán viên.
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tóm tắt một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính 2020:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019
A	Tổng tài sản:	151.929.901.642	167.224.063.033
1	Tài sản ngắn hạn	149.343.273.541	164.160.614.740
2	Tài sản dài hạn	2.586.628.101	3.063.448.293
B	Tổng nguồn vốn:	151.929.901.642	167.224.063.033
1	Nợ phải trả	52.389.332.329	67.204.170.657
2	Vốn chủ sở hữu	99.540.569.313	100.019.892.376
C	Lợi nhuận trước thuế	10.999.671.474	12.605.920.792
D	Lợi nhuận sau thuế	8.654.636.937	10.035.813.163

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thông qua ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

Doãn Nam Khánh



SỐ MĂNG /TMXM-TCKT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Vicem Thương mại Xi măng đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Số tiền
I	Vốn điều lệ	Đồng	60.000.000.000
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận thực hiện năm 2020	Đồng	10.999.671.474
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Đồng	2.345.034.537
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	12.697.978.739
	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	Đồng	4.043.341.802
	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020	Đồng	8.654.636.937
4	Phương án phân phối:	Đồng	8.050.100.000
4.1	Quỹ đầu tư phát triển của Công ty	Đồng	
4.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (i) = Tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận X 3 tháng tiền lương bình quân của NLD	Đồng	3.142.100.000
4.3	Quỹ thưởng của người quản lý năm 2020 (ii) 1 tháng tiền lương của Quỹ lương người QL chuyên trách	Đồng	108.000.000
4.4	Chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 8% (Theo NQ ĐHĐCĐ 2020 kế hoạch từ 8-10%)	%	4.800.000.000
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	4.647.878.739

Ghi chú:

1. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ kế hoạch chia cổ tức năm 2020 từ 8-10% tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 tình hình kinh doanh của Công ty rất khó

khẩn. Để đảm bảo thu nhập cho người lao động và dự phòng nguồn lợi nhuận để lại, Công ty chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ là 8% tương ứng là 4,8 tỷ đồng.

2. Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng của người quản lý năm 2020 thực hiện theo quy định tại thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Tổng quỹ lương thực hiện 2020:	14.000.000.000 đồng
- Quỹ lương người lao động:	12.704.000.000 đồng
- Quỹ lương người quản lý chuyên trách:	1.296.000.000 đồng

(i) Năm 2020, kết quả lợi nhuận sau thuế thực hiện bằng 98,93% so kế hoạch, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động nhân với tỉ lệ hoàn thành năm 2020 (Lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch năm 2020). Tổng số được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 3.142.100.000 đồng.

(ii) Quỹ thưởng của người quản lý chuyên trách được trích tối đa không quá 1 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là: 108.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Thông qua ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, TCKT.



Doãn Nam Khánh





TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Thù lao, phụ cấp thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty. Quỹ tiền lương năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng

I. Thù lao, phụ cấp thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vicem Thương mại xi măng.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng số 522/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020.

1. Số tiền thù lao, phụ cấp năm 2020 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty là:

T T	Chức danh	Số người	Số tiền (đồng/người/tháng)		Số tiền chi năm 2020(đồng)
			Nghị quyết	Thực hiện	
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	6.000.000	6.000.000	72.000.000
2	Thành viên HĐQT - Giám đốc	01	5.000.000	5.000.000	60.000.000
3	Thành viên HĐQT khác	03	4.000.000	4.000.000	144.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	3.000.000	3.000.000	72.000.000
5	Thư ký Công ty	1	3.500.000	3.500.000	42.000.000

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách nên không chi thù lao mà thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

Tổng số tiền thù lao, phụ cấp đã chi năm 2020 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty là **390.000.000** đồng (*bằng chữ: Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn*).

2. Mức thù lao, phụ cấp mỗi tháng năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty đề nghị giữ nguyên như mức thực hiện năm 2020, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số tiền (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	5.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4.000.000



4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký Công ty (phụ cấp)	3.500.000

Lương và các chế độ khác của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty hưởng lương tương đương chức danh phó phòng theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

II. Quỹ tiền lương năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng: Quỹ tiền lương năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng là **462.275.000** đồng (*bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn*).

Xin báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh





Số: Tr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán xi măng năm 2021 với các đơn vị trong nước.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Căn cứ tờ trình số 1236/TMXM-GĐ ngày 30/12/2020 về việc ký hợp đồng mua, bán xi măng năm 2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua chủ trương tại Biên bản số 49/BB-HĐQT ngày 21/1/2021.

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 151.929.901.642 đồng, 35% giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 53.175.465.574 đồng;

Theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều 15 Điều lệ Công ty: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông; khoản 2: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau; mục n: Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo việc thực hiện hợp đồng năm 2020 và kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận để Công ty ký kết hợp đồng mua bán xi măng năm 2021 với các đơn vị trong nước, cụ thể:

1. Thực hiện hợp đồng mua bán xi măng năm 2020:

T T	Công ty	Theo Nghị quyết		Thực hiện	
		Sản lượng dự kiến (T)	Giá trị tạm tính (đồng)	Sản lượng (T)	Giá trị (đồng)
1	Công ty XM Vicem Hoàng Thạch	640.000	633.600.000.000	485.633,16	517.139.634.450
2	Công ty XM Vicem Bút Sơn	170.000	168.300.000.000	82.115,6	74.587.628.809
3	Công ty XM Vicem Tam Điệp	110.000	108.900.000.000	85.88	81.420.700



2. Ký kết hợp đồng mua bán xi măng năm 2021:

TT	Công ty	Sản lượng dự kiến (T)	Giá trị tạm tính (đ)	Ghi chú
I	Hợp đồng mua xi măng			
1	Công ty XM Vicem Hoàng Thạch	562.000	556.380.000.000	
2	Công ty CP XM Vicem Bút Sơn	100.000	99.000.000.000	
3	Công ty XM Vicem Bim Sơn	150.000	134.250.000.000	
4	Công ty XM Vicem Tam Điệp	30.000	27.000.000.000	
5	Công ty CP XM Vicem Hạ Long	20.000	18.400.000.000	
II	Hợp đồng bán xi măng			
1	Công ty TNHH Nhung Anh	60.000	60.000.000.000	

Giao cho Giám đốc Công ty ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

- Đại hội đồng cổ đông hàng năm thường được tổ chức vào tháng 4, để đảm bảo việc kinh doanh được liên tục, nếu năm 2022 Công ty vẫn tiếp tục ký Hợp đồng mua bán với các đơn vị trong nước và giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty xem xét thông qua và báo cáo ĐHCĐ gần nhất./.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

Doãn Nam Khánh



TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XI MĂNG

SỐ: /TT-HĐQT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua ký hợp đồng mua, bán xi măng xuất khẩu năm 2021

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Căn cứ tờ trình số 291/TMXM-GĐ ngày 01/4/2021 về việc ký hợp đồng mua, bán xi măng năm 2021 và công tác xuất khẩu xi măng.

Để hoạt động kinh doanh của Công ty được liên tục, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận để Giám đốc Công ty ký các hợp đồng mua, bán xi măng xuất khẩu năm 2021 trên cơ sở các quy định của pháp luật và các quy định, quy chế của Công ty, cụ thể như sau:

1. Các Hợp đồng mua xi măng: 02 HĐ (dự kiến ký khi có đơn hàng xuất khẩu)

Khối lượng dự kiến của mỗi hợp đồng: Từ 100.000 tấn xi măng trở lên (tương ứng với giá trị hợp đồng tạm tính từ 99 tỷ đồng trở lên).

Điều kiện thanh toán và các nội dung khác của hợp đồng như địa điểm nhận hàng, phương thức giao nhận...: Theo thỏa thuận trong hợp đồng với các Công ty sản xuất xi măng.

2. Các Hợp đồng bán xi măng xuất khẩu: 02 HĐ (Có dự thảo hợp đồng kèm theo)

2.1. Đơn vị mua hàng: **EAST OCEAN SHIPPING COMPANY LIMITED**

Khối lượng dự kiến của hợp đồng : 130.000 tấn xi măng (tương ứng với giá trị hợp đồng tạm tính 6.012.500 USD ~ 138.287.500.000 đồng).

2.2. Đơn vị mua hàng: **BEI HAI IMPORT/EXPORT INC**

Khối lượng dự kiến của hợp đồng : 70.000 tấn xi măng (tương ứng với giá trị hợp đồng tạm tính 3.237.500 USD ~ 74.462.500.000 đồng).

2.3. Các điều kiện thực hiện hợp đồng:



- + Điều kiện giao hàng: Giao trên tàu biển tại Hòn Gai, Quảng Ninh.
- + Điều kiện thanh toán: Đặt cọc 10% giá trị đơn hàng trong vòng 03 ngày làm việc sau khi đơn hàng được chấp thuận, 90% giá trị còn lại thanh toán bằng thư tín dụng chứng từ không hủy ngang, trả ngay khi nhận được bộ chứng từ giao hàng.
- + Giám định hàng hóa : Công ty SGS Việt Nam.
- + Thuế, phí: Tất cả các loại thuế, phí ở Việt Nam bên bán chịu, tất cả các loại thuế, phí ngoài Việt Nam bên mua chịu.

Giao cho Giám đốc Công ty ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh





CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XI MĂNG VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XI MĂNG VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Số:

/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã ban hành Điều lệ Công ty trên cơ sở quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều lệ Công ty bao gồm 21 chương và 60 điều (có Điều lệ kèm theo tờ trình này).

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Địa chỉ: 348 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 8643346 - Fax: 0243 8642586

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Hà Nội, tháng năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....5

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ5

Điều 1. Giải thích thuật ngữ5

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY6

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty6

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 7

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....7

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty9

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN9

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần9

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu10

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....10

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần10

Điều 10. Thu hồi cổ phần11

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT11

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....11

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....11

Điều 12. Quyền của cổ đông11

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....13

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông13

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....14

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....16

Điều 17. Thay đổi các quyền16

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông17

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông18

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông18

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....20

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông20

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....21

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....22

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ22

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị22

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....24

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....24

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	28
CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	29
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc.....	29
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	30
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	30
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	31
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	32
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	32
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng.....	32
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	33
Chương XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	33
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và Hồ sơ.....	34
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	34
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	34
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	35
Điều 48. Tài khoản ngân hàng.....	35
Điều 49. Năm tài chính.....	35
Điều 50. Chế độ kế toán.....	35
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	35
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	35
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	36
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	36
Điều 53. Kiểm toán.....	36
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	36
Điều 54. Dấu của Doanh nghiệp.....	36
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY.....	36
Điều 55. Giải thể công ty.....	36
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	36

Điều 57. Thanh lý.....	37
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	37
Điều 59. Điều lệ công ty.....	37
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC.....	38
Điều 60. Ngày hiệu lực.....	38

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG****PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021 với các nội dung sau:

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng ;

h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán);

n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

p. *Công ty* là Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

q. *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty* là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

r. *Quy chế nội bộ* là các Quy chế đang được áp dụng trong nội bộ của công ty khác với Quy chế được nêu tại điểm q Điều này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ tiếng Việt: **Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng**
- Tên tiếng Anh: **Vicem cement trading joint stock company**
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **VICEMCEMENT.T., JSC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 348 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243 8643346 - Fax: 0243 8642586

- Website: tmx.com.vn

- Email: ximang.jsc@vnn.vn ; ximang.tmx@gmail.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn qui định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách

nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này và các qui định liên quan của pháp luật;

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Môi giới tuyển chọn và cung ứng lao động (không bao gồm giới thiệu và cung ứng nhân sự cho cá nhân, tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động).	7830
2	Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).	7911
3	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh lâm sản, thức ăn gia súc (trừ loại Nhà nước cấm).	4620
4	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Kinh doanh thủy sản.	4632
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Kinh doanh phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); - Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ gia, bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp).	4669
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh ăn uống.	5610

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
7	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng thuốc lá nội, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).	4711
8	Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: - Đại lý kinh doanh giao nhận, vận tải hàng hóa; - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.	4610
9	Bán buôn máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh thiết bị Văn phòng.	4659
10	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh nội thất, kinh doanh xe đạp.	4649
11	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện máy, điện lạnh.	4652
12	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Kinh doanh ô tô.	4511
13	Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Kinh doanh xe máy.	4541
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: - Kinh doanh xi măng, clinker và các chủng loại vật liệu xây dựng; - Kinh doanh các loại xi măng; kinh doanh các loại phụ gia, vật liệu xây dựng và vật tư phục vụ sản xuất xi măng.	4663
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng.	4290
16	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh phát triển nhà và cho thuê bất động sản.	6810
17	Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thể thao.	9311
18	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí.	9329
19	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải đường bộ.	4932
20	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải đường biển.	5011
21	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.	5021

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải đường sông.	
22	Vận tải hành khách đường sắt. Chi tiết: Kinh doanh đại lý dịch vụ vận tải đường sắt.	4911
23	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Sửa chữa ô tô.	4520
24	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy. Chi tiết: Sửa chữa xe máy.	4542
25	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
26	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp).	1701
27	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các loại phụ gia, vật liệu xây dựng và vật tư phục vụ sản xuất xi măng.	2394
28	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **60.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **6.000.000 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác bao gồm cả nghĩa vụ đối với các loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ

số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến

nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết .

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp

Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để

thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác để đảm bảo lợi ích công ty

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp .

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể;

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty .

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

Thông qua chủ trương đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trong công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, công bố danh mục và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc .

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty và pháp luật quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Giám đốc, không quá hai (02) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bổ trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bổ trí người phụ trách kế toán tối đa là 06 (sáu) tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm; Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất...;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

f. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;

g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;

h. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;

i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty;

k. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

m. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

n. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp pháp luật không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10 % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10 % hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10 % trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác

của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với

các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị

chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng nhất trí thông qua ngày tháng.....năm 2021 tại Hà Nội. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Luyện



Số: **CÔNG TY
CỔ PHẦN
VICEM
THƯƠNG MẠI
XI MĂNG** /TT-HEQT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty trên cơ sở quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC và Điều lệ công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm 7 điều (có Quy chế kèm theo tờ trình này).

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG
Địa chỉ: Số 348 Đường Giải Phóng - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:
2. Đối tượng áp dụng:

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:.....
3. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua NQ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của TV.HĐQT (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).....
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị
5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị:.....

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 5. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;.....
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc.....

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
3. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số.... ngày

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật;

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:

1. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ

trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1.2.1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- ### 1.2.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

b1) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b2) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên Website Công ty và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

d1) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

d2) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

d3) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết.

d4) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

- Đón tiếp cổ đông và đại biểu.
- Đăng ký và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
- Khai mạc, giới thiệu đại biểu.
- Giới thiệu chủ tọa Đại hội và Đoàn Chủ tịch
- Giới thiệu Thư ký Đại hội.
- Bầu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu.
- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- Thông qua chương trình Đại hội.
- Thông qua quy chế Đại hội.

- Hướng dẫn lập thẻ biểu quyết
- Các Tờ trình, Báo cáo trình bày tại Đại hội:
- Báo cáo của Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận
- Báo cáo thù lao, phụ cấp đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty; Quỹ tiền lương thực hiện của Giám đốc Công ty.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
- Đại hội tiến hành thảo luận.
- Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình nêu trên.
- Phát biểu của lãnh đạo cấp trên.
- Lãnh đạo Công ty tiếp thu ý kiến.
- Công bố kết quả biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội.
- Thông qua Biên bản Đại hội.
- Bế mạc Đại hội.

* Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp: theo mục 4, mục 5, mục 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

+ Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.

g1) Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

g2) Trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

h) Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết .

-. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết. Trên thẻ, trên phiếu biểu quyết ghi Tên Công ty, ngày tháng năm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, các vấn đề cần biểu quyết và phương án biểu quyết, phần dành cho cổ đông ký tên và dấu treo của Công ty, tất cả các nội dung trong chương trình của phiên họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết .

k) Cách thức bỏ phiếu:

k1) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo điều hành của Đoàn chủ tịch theo nội dung: Tán thành, không tán thành; hoặc không có ý kiến để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

- Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội.

- Thông qua Biên bản Đại hội;

- Và các nội dung khác theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

k2) Biểu quyết bằng cách ghi trên Phiếu biểu quyết: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của người biểu quyết và được bỏ vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban bầu cử/Ban kiểm phiếu.

l) Cách thức kiểm phiếu: Đại hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu biểu quyết. Tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu đều phải ký tên trong Biên bản kiểm phiếu.

- Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS thì thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cách thức kiểm phiếu:

- Tổng số phiếu biểu quyết (đối với từng vấn đề biểu quyết) phát ra, tổng số phiếu thu về; tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ;

- Kết quả biểu quyết: Ghi rõ tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, tổng số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

+) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

+) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

+) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

+) Vấn đề khác để đảm bảo lợi ích công ty

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp .

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện tại Quy định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;

- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. [Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác].

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

Thông qua chủ trương đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trong công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, công bố danh mục và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

* Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

* Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị : theo quy định Điều lệ công ty

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: phải được thông báo theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ học vấn;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

+ Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

+ Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

+ Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

+ Các thông tin khác (nếu có).

- Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Các đề nghị trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

e) Cách thức biểu quyết:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết ;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính;

+ Thời gian, địa điểm họp;

+ Mục đích, chương trình và nội dung họp;

+ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

+ Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

+ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

+ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm k Khoản này.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: phải được công bố theo quy định về công bố thông tin của các cơ quan quản lý chứng khoán và Điều lệ Công ty.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.;

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Do Hội đồng quản trị quyết định;

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Theo yêu cầu nhiệm vụ;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Việc thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

d) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty

Điều 5. Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc:

1.1. Vai trò, trách nhiệm: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;

1.2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc: Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc: Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc: Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc: Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

Tiền lương của Giám đốc được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc

1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

Các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, BKS và Giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một lần.

a) Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho BKS và Ban Giám đốc.

b) Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 03 ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp.

c) Về các quyết định được thông qua: BKS và Ban Giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

1.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; Giám đốc: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

1.3. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Giám đốc yêu cầu tổ chức họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

1.4. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Định kỳ hàng Quý, Giám đốc phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT giao phó.

1.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc:

a) HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.

b) Kiểm điểm theo nội dung: Quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý, người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT.

b) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

c) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

d) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

d) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

e) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a) HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. BKS được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của công ty.

b) Hàng năm BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

2.1. Khen thưởng

a) Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS.

b) Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHĐCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Người điều hành doanh nghiệp.

2.2 Kỷ luật

a) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và người quản lý để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách..

b) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xem xét tư cách thành viên của BKS, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng.. .năm...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

TỔNG CÔNG TY XIMĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XIMĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: CÔNG TY / TT-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trên cơ sở quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC và Điều lệ công ty.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty gồm 7 chương, 23 điều (có Quy chế kèm theo tờ trình này).

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Địa chỉ: Số 348 Đường Giải Phóng - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

Dự thảo
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng 4 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy

định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong

thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội

đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

Thông qua chủ trương đề Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trong công ty;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công ty đối với người điều hành doanh

nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, công bố danh mục và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định

một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập

Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội

đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến

của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù

lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng

quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng ...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

Số: **VTTr-HĐQT**

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Ban kiểm soát đã sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC và Điều lệ công ty.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát gồm 7 chương, 22 điều (có Quy chế kèm theo tờ trình này).

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vicem thương mại xi măng.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Doãn Nam Khánh

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 6 năm 2021;

Căn cứ biên bản thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần VICEM Thương mại xi măng.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần VICEM Thương mại xi măng bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;

- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại

Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người

có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất bốn (04) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Ban giám đốc

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm 7 chương, 22 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Hà Nội. Toàn văn bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

ĐẶNG THÀNH CÔNG



Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**Dự thảo
NGHỊ QUYẾT**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số /BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng đã tiến hành thảo luận và

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

❖ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

* Sản lượng tiêu thụ	:	566.653	tấn
* Tổng doanh thu	:	607.739	triệu đồng
* Nộp ngân sách	:	7.345	triệu đồng
* Lợi nhuận trước thuế	:	10.999	triệu đồng
* Cổ tức	:	8	% / năm

❖ Kế hoạch kinh doanh năm 2021:

* Sản lượng tiêu thụ	:	852.000	tấn
* Tổng doanh thu	:	884.870	triệu đồng
* Nộp ngân sách	:	7.500	triệu đồng
* Lợi nhuận trước thuế	:	11.000	triệu đồng
* Cổ tức	:	8-10	% / năm

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là..... phiếu, tương đương% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm



2021 của Ban Kiểm soát Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt với số phiếu biểu quyết tán thành phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 : 10.999.671.474 đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp : 2.345.034.537 đ
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 12.697.978.739 đ
- + Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước : 4.043.341.802 đ
- + Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 : 8.654.636.937 đ
- **Phương án phân phối** : 8.050.100.000 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 : 3.142.100.000 đ
- Quỹ thưởng của người quản lý năm 20120 : 108.000.000 đ
- Chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 8% : 4.800.000.000 đ
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 4.647.878.739 đ

Điều 7. Thông qua Báo cáo thù lao, phụ cấp thực hiện năm 2020, kế hoạch năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty; Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Giám đốc Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số tiền thù lao, phụ cấp đã chi năm 2020 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty là 390.000.000 đồng.
- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng là 462.275.000 đồng
- Mức thù lao, phụ cấp mỗi tháng năm 2021 đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty giữ nguyên như mức thực hiện năm 2020, cụ thể:

STT	Chức danh	Số tiền (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	5.000.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	4.000.000

STT	Chức danh	Số tiền (đồng/người/tháng)
4	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000
5	Thư ký Công ty (phụ cấp)	3.500.000

Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và các chế độ khác tương đương chức danh phó phòng theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định khác.

Điều 8. Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán xi măng năm 2021 với các đơn vị trong nước với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 9: Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán xi măng xuất khẩu năm 2021 với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 12. Thông qua việc Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là...phiếu, tương đương.... % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 13. Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là phiếu, tương đương % tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Trung tâm Lưu ký CK Việt Nam;
- Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Ban GD, CĐ, ĐU, Website;
- Các đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Doãn Nam Khánh